

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2018/HNGĐ- ST**
Ngày: 28-9-2018
V/v: “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao

Ông Mai Thanh Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Chân Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2018/LTST-HNGĐ ngày 24/4/2018 về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2018/QĐST- HNGĐ ngày 11/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1985

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Quang H chung sống tự nguyện vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 237, quyển số 01-2009 ngày 28/12/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không chịu làm ăn, suốt ngày uống rượu say xỉn rồi đánh đập chị. Đến khoảng tháng 8 năm 2015 thì anh chị chính thức ly thân cho đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 cháu tên là Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 11/06/2011. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Anh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác nhưng anh không nộp bản khai và không đến tòa nên không có ý kiến trong hồ sơ.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và xác định quan hệ pháp luật: “Ly hôn” đúng với quy định của pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Về đường lối: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Điều 51, 56, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quang H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú T chung sống với anh Nguyễn Quang H vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 237, quyển số 01-2009 ngày 28/12/2009. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú T thì thấy: Tại phiên tòa, chị T cương quyết xin được ly hôn với anh H, chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng là mẹ ruột anh Nguyễn Quang H (BL20) cũng cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng chị T có nhiều mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Từ đó cho thấy anh H không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 11/06/2011. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác cháu Tr trên 7 tuổi, tại bản khai cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cháu Trường cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí chị T phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T đối với bị đơn anh Nguyễn Quang H.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Tú T được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 11/06/2011 cho chị Nguyễn Thị Tú T nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền chăm sóc, thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia sư thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003592 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị Nguyễn Thị Tú T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Quang H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

